

**KẾ HOẠCH**  
**Phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2021**

Thực hiện Công văn số 4668/UBND-TH ngày 21/10/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc báo cáo tình hình kinh tế-xã hội, đầu tư công năm 2020, xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, đầu tư công năm 2021 và giai đoạn 2021-2025. Trên cơ sở kết quả thực hiện kế hoạch 10 tháng đầu năm, dự báo kết quả cả năm 2020, Sở Nông nghiệp và PTNT Bắc Giang xây dựng Kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2021, như sau:

**Phần thứ nhất**

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN 10 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2020**

**I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2020**

Ngành Nông nghiệp và PTNT thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 10 tháng đầu năm 2020 trong điều kiện phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như: thời tiết diễn biến bất thường (*đầu năm thời tiết ẩm-ẩm, nền nhiệt cao hơn so với trung bình nhiều năm, xảy ra các đợt mưa to kèm theo giông lốc, mưa đá*); hậu quả nặng nề của dịch tả lợn Châu Phi năm 2019 để lại vẫn luôn tiềm ẩn nguy cơ bùng phát trở lại, dịch bệnh Covid - 19 diễn biến hết sức phức tạp (*có thời điểm phải thực hiện giãn cách xã hội*) đã ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất nông nghiệp, nhất là sinh trưởng của một số loại cây trồng vụ Đông xuân như vải, lúa, cây rau màu và công tác tiêu thụ các sản phẩm nông sản... Tuy nhiên được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, của Bộ NN&PTNT, Ngành nông nghiệp và PTNT đã phối hợp chặt chẽ với các Sở, ban, ngành, địa phương, bà con nông dân, doanh nghiệp triển khai thực hiện quyết liệt Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 17/01/2020 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ và các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HDND tỉnh về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2020; đẩy mạnh triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, nên kết quả phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn 10 tháng đầu năm 2020 và ước cả năm đạt kết quả khá.

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRÊN CÁC LĨNH VỰC 10 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ ƯỚC CẢ NĂM 2020**

**1. Kết quả sản xuất nông nghiệp**

### **1.1. Về trồng trọt:**

#### **\* Cây lương thực có hạt:**

Tổng diện tích cây lương thực có hạt 111.037 ha, bằng 98,4% so với cùng kỳ, bằng 99,3% so với kế hoạch; sản lượng 626.492 tấn, bằng 98,7% so với cùng kỳ, bằng 99,1% so với kế hoạch, trong đó:

- Diện tích lúa ước đạt 100.831 ha, bằng 98% so với cùng kỳ và bằng 99% so với kế hoạch năm; năng suất ước đạt 57,9 tạ/ha, bằng 100,3% so với cùng kỳ; sản lượng ước đạt 583.681 tấn, bằng 98% so với cùng kỳ và bằng 99% so với kế hoạch năm. Diện tích lúa chất lượng đạt 40.126 ha, tăng 4.000 ha so với CK, sản lượng ước đạt 243.306 tấn, tăng 11% so với cùng kỳ và đạt 100,5% so với kế hoạch năm. Cơ cấu giống lúa chất lượng chủ yếu là TBR225, BC15, Bắc Thơm số 7, Đài Thơm 8, HDT10, lúa Nhật...

- Diện tích ngô đạt 10.206 ha, vượt 2,2% so với cùng kỳ, bằng 104% so với kế hoạch năm; năng suất ước đạt 41,9 tạ/ha, tăng 1,5% so với cùng kỳ; sản lượng ước đạt 42.811 tấn, vượt 3,7% so với cùng kỳ, bằng 106% so với kế hoạch năm. Cơ cấu giống chuyển dịch theo hướng giảm diện tích ngô tẻ có giá trị kinh tế thấp, tăng dần diện tích ngô ngọt, ngô nếp...cho giá trị kinh tế cao với các giống chủ lực như: ngô ngọt Việt Thái, Suger 75, ngô nếp HN88, HN68, MX6, nếp Thái,...

#### **\* Cây rau các loại và cây công nghiệp ngắn ngày:**

- *Cây rau các loại:* Diện tích cây rau các loại đạt 25.548 ha (gồm cả khoai tây 3.226 ha), tăng 1,3% so với cùng kỳ năm 2019 và bằng 101,4% so với kế hoạch năm; sản lượng ước đạt 450.458 tấn, bằng 100,1% so với kế hoạch năm. Trong đó diện tích rau an toàn theo hướng VietGAP đạt 8430 ha, tăng 2,8% so với cùng kỳ và bằng 100,4% so với kế hoạch năm; sản lượng đạt 166.914 tấn, tăng 4,4% so với cùng kỳ và bằng 103,6% so với kế hoạch năm. Diện tích cây đậu các loại 1.329 ha, bằng 100,7% so với cùng kỳ và bằng 98,4% kế hoạch năm; sản lượng ước đạt 2.079 tấn, bằng 101,7% so với cùng kỳ và bằng 102,7% kế hoạch năm.

- *Cây công nghiệp ngắn ngày:* Diện tích cây lạc đạt 9.632 ha, bằng 98% so với cùng kỳ và bằng 101,4% so với kế hoạch năm, năng suất 26,1 tạ/ha, tương đương so với cùng kỳ; sản lượng ước đạt 25.115 tấn, bằng 98,5% so với cùng kỳ và bằng 101,7% so với kế hoạch năm; Diện tích cây đậu tương ước đạt 646 ha, bằng 97,4% so với cùng kỳ và bằng 99% so với kế hoạch năm; năng suất ước đạt 20 tạ/ha, sản lượng đậu tương ước đạt 1.308 tấn, bằng 98,5% so với cùng kỳ và bằng 100% so với kế hoạch năm.

\* *Cây ăn quả:* Tổng diện tích cây ăn quả toàn tỉnh ước đạt hơn 50.800 ha, tăng 0,6% so với cùng kỳ, trong đó:

Diện tích cây vải 28.126 ha, giảm 1% so với cùng kỳ, sản lượng vải đạt 165.000 tấn, tăng 9,7% so với cùng kỳ. Trong đó diện tích vải sớm giữ ổn định đạt 6.000 ha (chiếm 21,4% tổng diện tích cây vải), sản lượng đạt 45.000 tấn

bằng 116% so với cùng kỳ, vượt 12,5% kế hoạch; vải VietGAP đạt 15.000 ha (chiếm 53,3% tổng diện tích vải), sản lượng đạt 110.000 tấn tăng 39,9% so với cùng kỳ, trong đó vải GlobalGAP đạt 298 ha, sản lượng đạt 2.000 tấn.

Diện tích cây cam đạt 5.100 ha, tăng 2,2% so với cùng kỳ và vượt 1,4% so với Kế hoạch năm (trong đó cam Đường Canh 2.300 ha, chiếm 44,5%).

Diện tích cây bưởi 5.190 ha, tăng 9,3% so với cùng kỳ và tăng 7,4% so với kế hoạch năm (trong đó bưởi Diễn 2.750 ha, chiếm 51,7%).

Ngoài ra một số cây ăn quả khác như: dứa, na, táo, vũ sữa, ổi, nhãn,... giữ ổn định so với cùng kỳ.

Nhìn chung lĩnh vực trồng trọt, các loại cây trồng chủ lực tiếp tục phát triển theo hướng sản xuất với quy mô lớn, có sự hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị; việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, quy trình sản xuất tiên tiến như VietGAP, GlobalGAP, UDCNC,... được quan tâm và nhân rộng. Đến nay trên địa bàn tỉnh đã có 163 mô hình cánh đồng mẫu lớn với diện tích 5.159 ha; 246 mô hình sản xuất rau, hoa trong nhà lưới nhà màng ứng dụng CNC (126 MH hỗ trợ theo NQ số 46/NQ-HĐND; 120 mô hình do UBND các huyện, TP hỗ trợ) với diện tích nhà lưới nhà màng 405.312m<sup>2</sup>. Riêng trong năm 2020 tiếp tục triển khai thực hiện 59 mô hình với diện tích 129.050 m<sup>2</sup> theo NQ số 46/NQ-HĐND (nâng tổng số mô hình CNC lên 299 MH, diện tích 520.362 m<sup>2</sup>). Diện tích vải được cấp giấy chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP là 2.542 ha; vải thiều sản xuất theo tiêu chuẩn GlobalGAP là 305 ha xuất khẩu vào các thị trường mới (Mỹ, EU,...), trong đó có 80 ha được cấp giấy chứng nhận; vải xuất khẩu vào thị trường Nhật Bản diện tích 103 ha (19 mã số vùng trồng). Diện tích rau sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP là 8.430 ha, trong đó có 300 ha được cấp giấy chứng nhận,...

## **1.2. Về Chăn nuôi**

Ảnh hưởng của dịch lợn tả Châu Phi năm 2019 đã gây thiệt hại lớn đến đàn lợn của tỉnh những tháng đầu năm 2020, trong đó có đàn lợn nái, dẫn đến nguồn cung lợn thương phẩm bị sụt giảm mạnh. Tuy nhiên nhờ có sự chỉ đạo quyết liệt của các cấp, ngành, đặc biệt là sau ngày 15/4/2020, UBND tỉnh công bố hết dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn toàn tỉnh (tại Quyết định số 734/QĐ-UBND), Sở đã tham mưu UBND ban hành các văn bản chỉ đạo UBND các huyện, TP, các đơn vị liên quan tích cực triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ chăn nuôi để phục vụ tái đàn lợn theo hướng an toàn dịch bệnh sau khi hết dịch. Nhưng ảnh hưởng lớn từ dịch covid-19 dẫn đến việc nhập nội nguồn cung con giống, thức ăn chăn nuôi gặp nhiều khó khăn, kéo theo sản lượng thịt giảm, giá thành thịt lợn bị đẩy lên cao. Bên cạnh đó, việc chủ động nắm bắt tình hình dịch bệnh trên đàn vật nuôi; tăng cường công tác phòng chống dịch, kiểm soát vận chuyển, giết mổ, kiểm tra VSTY đã giữ ổn định đàn vật nuôi trong 10 tháng đầu năm không để xảy ra các ổ dịch nguy hiểm như LMLM, tai xanh, cúm gia cầm trên địa bàn tỉnh.

Theo số liệu báo cáo ước tính của Cục Thống kê, 10 tháng đầu năm đàn trâu, gia cầm giảm nhẹ; đàn bò, lợn tăng so với cùng kỳ, cụ thể: đàn trâu 42,1

nghìn con, bằng 95% so với cùng kỳ và đạt 105,3 % kế hoạch; đàn bò 133,8 nghìn con, bằng 97% so với cùng kỳ và bằng 97,3% so với kế hoạch năm; đàn lợn ước đạt 960 nghìn con, tăng 143,3% so với cùng kỳ và bằng 96% so với kế hoạch năm; đàn gia cầm 18,286 triệu con, bằng 103% so với cùng kỳ và bằng 99,5% so với kế hoạch năm (đàn gà 16,008 triệu, con bằng 102% so với cùng kỳ và bằng 102% so với kế hoạch). Sản lượng thịt hơi các loại ước đạt 178,1 nghìn tấn, tăng 116,8 % so với cùng kỳ và bằng 81,3% so với kế hoạch năm. Ước cả năm 2020, đàn lợn đạt 1 triệu con, đàn gia cầm đạt 18,4 triệu con; trâu 42,5 nghìn con; bò 137,5 nghìn con; sản lượng thịt hơi đạt 219 nghìn tấn bằng 100% kế hoạch.

Nhìn chung, sản xuất chăn nuôi đã có sự chuyển biến rõ nét về tổ chức sản xuất, chăn nuôi trang trại, tập trung theo chuỗi khép kín, ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến, công nghệ cao được mở rộng. Đến nay trên địa bàn tỉnh có 66 HTX, 695 trang trại hoạt động về lĩnh vực chăn nuôi lợn và gia cầm (trong đó 612/695 trang trại đã được cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại), trong đó có sự liên kết giữa các thành viên từ sản xuất đến tiêu thụ; có 104 cơ sở liên kết nuôi gia công cho các Công ty như: CP, DABACO, JAJA, RTD, MAVIN, ANT...; hình thành một số chuỗi chăn nuôi lợn sạch, lợn an toàn tại Tân Yên, Hiệp Hòa, Việt Yên, TP Bắc Giang...

## 2. Về thủy sản

Sản xuất thủy sản 10 tháng đầu năm có nhiều thuận lợi, các chỉ tiêu chủ yếu đều tăng so với cùng kỳ. Sản xuất cá hương, cá giống đạt 912,8 triệu con, tăng 7,8% so với cùng kỳ và vượt kế hoạch 14,1%; cá bột ước đạt 912 triệu con (gồm các loại cá chép lai, trắm cỏ, cá mè, cá trôi, cá chim...), đạt 114,1% kế hoạch năm. Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản 12.500 ha, tăng 0,4% so với cùng kỳ và bằng 100% so với kế hoạch năm; sản lượng thủy sản ước đạt 39.866 tấn, bằng 113% so với cùng kỳ và bằng 83,9% so với kế hoạch năm (trong đó sản lượng nuôi 37.137 tấn, khai thác tự nhiên 2.729 tấn). Ước tính đến hết năm 2020 sản lượng đạt 47.905 tấn, trong đó sản lượng nuôi trồng thủy sản là 44.590 tấn, sản lượng khai thác 3.315 tấn.

Nuôi thủy sản tiếp tục phát triển theo hướng ứng dụng công nghệ cao, cơ giới hóa, tự động hóa, nuôi an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP. Đến nay trên địa bàn tỉnh có 5825 ha diện tích nuôi chuyên canh, tăng 1,5% so với cùng kỳ, diện tích nuôi thâm canh đạt 1.650 ha, tăng 7 % so với cùng kỳ. Đến hết năm 2020, toàn tỉnh có 52 vùng với diện tích 750 ha nuôi theo hướng VietGAP, trong đó 24 vùng với diện tích 245,9 ha đã được cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGAP.

## 3. Về lâm nghiệp

- *Công tác sử dụng, phát triển rừng*: Công tác quản lý giống cây trồng lâm nghiệp tiếp tục được Sở quan tâm chỉ đạo. Các đơn vị chuyên môn tích cực kiểm tra, hướng dẫn các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất giống lựa chọn, cung ứng

các giống có nguồn gốc, đủ tiêu chuẩn đưa vào sản xuất<sup>(1)</sup>. Do chuẩn bị tốt nguồn giống, hiện trường nên 10 tháng đầu năm toàn tỉnh đã trồng được 8.343 ha rừng tập trung, bằng 103,6% so với cùng kỳ và đạt 115,9% so với kế hoạch; trồng được 3,154 triệu cây phân tán các loại, tăng 3,6% so với cùng kỳ và vượt kế hoạch 110,3% so với kế hoạch năm; Thực hiện chăm sóc rừng trồng đạt 16.723 ha, tăng 1,6% so với cùng kỳ và bằng 101,4% so với kế hoạch năm, trong đó: chăm sóc rừng phòng hộ và đặc dụng 349,7 ha, giảm 36,8% so với cùng kỳ, chăm sóc rừng sản xuất 16.373 ha, tăng 228 ha so với cùng kỳ. Sản lượng khai thác gỗ đạt 691,343 nghìn m<sup>3</sup> (trong đó khai thác gỗ rừng trồng tập trung, vườn rừng được 691,343 nghìn m<sup>3</sup>), tăng 5,6% so với cùng kỳ và bằng 104,8% so với kế hoạch năm. Việc khai thác sử dụng rừng được hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chặt chẽ theo quy trình, qui phạm và chế độ chính sách hiện hành. Ước năm 2020 toàn tỉnh trồng được 8.445 ha rừng trồng tập trung (trong đó 82 ha trồng rừng phòng hộ) đạt 117,3% kế hoạch; sản lượng gỗ khai thác đạt 700.000 m<sup>3</sup> gỗ các loại, đạt 106% kế hoạch.

- *Công tác quản lý, bảo vệ rừng*: Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 31/01/2018 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết 249-NQ/TU, ngày 01/11/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cấp, ngành chỉ đạo, thực hiện quyết liệt đồng bộ nhiều giải pháp bảo vệ cùng với việc tăng cường lực lượng Kiểm lâm phụ trách xã, phối hợp với chính quyền địa phương và chủ rừng tổ chức tuần tra rừng, kiểm tra các hoạt động khai thác, mua bán, vận chuyển, chế biến và kinh doanh lâm sản; phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng theo pháp luật; thực hiện bảo vệ 160.508 ha, trong đó khoán bảo vệ rừng cho 3.324 hộ gia đình, 84 cộng đồng dân cư với tổng diện tích 32.699 ha, tăng 2,6% so với cùng kỳ và tăng 3,8% so với kế hoạch. Từ đầu năm đến nay lực lượng Kiểm lâm đã lập biên bản 83 vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp (giảm 13 vụ so với cùng kỳ năm 2019) với khối lượng gỗ vi phạm trên 40,4 m<sup>3</sup> gỗ các loại (giảm 12 m<sup>3</sup>); đã xử phạt vi phạm hành chính 75 vụ, tịch thu trên 36,5 m<sup>3</sup> gỗ các loại, nộp ngân sách nhà nước 911,5 triệu đồng. Diện tích bị thiệt hại do cháy và phá rừng là 12,62 ha, tăng 5,05 ha (40%) so với cùng kỳ. Khởi tố 03 bị can trong vụ cháy rừng xảy ra tại huyện Yên Dũng vào tháng 12/2019, chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra cùng cấp xử lý theo quy định đối với vụ phá rừng xảy ra tại thôn Đèo Gia, xã Đèo Gia vào tháng 02/2020. Tỷ lệ che phủ rừng năm 2020 ước đạt 38%.

- *Công tác phòng cháy, chữa cháy rừng*: Công tác phòng cháy, chữa cháy rừng được Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện, xã có rừng và các chủ rừng lớn chủ động triển khai thực hiện. Sở Nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm thường xuyên cảnh báo nguy cơ cháy rừng xuống các địa phương; xây dựng kế hoạch triển khai PCCCR; tổ chức các hình thức tuyên truyền, tập huấn kiến thức và diễn tập PCCCR theo kế hoạch; thành lập các tổ,

(1) 10 tháng đầu năm đã sản xuất được trên 24,33 triệu cây giống các loại, trong đó: Keo Tai tượng: 8.584,6 nghìn cây, keo lai mô: 3.571 nghìn cây; Keo lai hom: 3.088 nghìn cây; Bạch đàn mô: 6.495 nghìn cây, Bạch đàn hom: 2.232 nghìn cây,...

đội xung kích thường trực PCCCR sẵn sàng tham gia chữa cháy khi có cháy rừng xảy ra. 10 tháng đầu năm thực hiện xong mô hình đường băng cản lửa xanh 2020 (trồng cây vối thuốc) diện tích 0,5 ha; thực hiện chăm sóc mô hình đường băng xanh cản lửa năm 2,3,4; tu bổ 18 km đường băng trắng cản lửa; hạ cấp thực bì theo băng được 22,5 ha.

*(Chi tiết tại Phụ lục I, II kèm theo)*

#### **4. Về công tác thủy lợi, quản lý đê điều và PCLB**

- **Công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi:** Sở đã chỉ đạo Chi cục Thủy lợi phối hợp chặt chẽ với các Công ty TNHH một thành viên KTCTTL, UBND các huyện, thành phố thực hiện tốt việc quản lý, duy tu, bảo dưỡng, khai thác và đảm bảo an toàn cho 1.300 công trình thủy lợi<sup>(2)</sup>, bao gồm: 274 hồ chứa (trong đó: có 24 hồ chứa lớn, 17 hồ chứa vừa, 233 hồ chứa nhỏ); 203 đập dâng (có 03 đập dâng lớn, 200 đập dâng nhỏ và phai tạm), 823 trạm bơm (có 41 trạm bơm vừa và lớn, 782 trạm bơm nhỏ cục bộ); 7.925 km kênh tưới, tiêu các cấp (trong đó: kênh tưới dài 6.482 km đã kiên cố hóa được 2.896,8 km đạt 44,7%, kênh tiêu dài 1.443 km, toàn bộ là kênh đất) đáp ứng yêu cầu sản xuất theo kế hoạch giao; xây dựng các phương án chống hạn, duy tu sửa chữa, vận hành, điều tiết các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất. Kết quả đến tháng 10/2020 đã thực hiện tưới, tiêu cho 142.177 ha cây trồng các loại, trong đó: tưới lúa 101.400 ha, bằng 100% so với kế hoạch; tưới rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày là 36.700 ha, bằng 100% so với kế hoạch, cây ăn quả 4.077 ha, đạt 100% so với kế hoạch; tiêu lưu vực đạt 136.725 ha bằng 100% kế hoạch; tưới cây trồng vụ đông ước thực hiện 12.300ha. Thực hiện đào đắp, nạo vét 750.000 m<sup>3</sup> bùn đất các loại; xây gạch đá các loại 1.700 m<sup>3</sup>; bê tông các loại: 2.290 m<sup>3</sup>; sửa chữa bảo dưỡng 307 tổ máy bơm các loại, đảm bảo chủ động tưới, tiêu phục vụ sản xuất.

- **Công tác quản lý đê điều và phòng chống TT và TKCN:** Sở đã tham mưu cho UBND tỉnh, Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh ban hành báo cáo tổng kết công tác phòng chống thiên tai – tìm kiếm cứu nạn năm 2019, phương hướng thực hiện nhiệm vụ năm 2020 để các ngành, các địa phương tổ chức thực hiện; chỉ đạo các địa phương, các cấp, các ngành và thực hiện tốt công tác kiểm tra đê, kè, cống, duy tu bảo dưỡng đê điều đảm bảo an toàn phòng chống lũ; thực hiện tổ chức trực ban nghiêm túc 24/24h để nắm bắt thông tin, tổng hợp báo cáo, tham mưu kịp thời cho Ban Chỉ huy PCTT-TKCN, UBND tỉnh xử lý, ứng phó với các tình huống thiên tai xảy ra. Tính đến tháng 10/2020 do ảnh hưởng của thiên tai trên địa bàn tỉnh xuất hiện 06 sự cố về đê, kè. Ngay sau khi phát hiện các sự cố trên, Sở Nông nghiệp và PTNT đã đề nghị UBND huyện của địa phương nơi có các sự cố, triển khai hoàn thành công tác xử lý giờ đầu, cử lực lượng thường xuyên theo dõi diễn biến các sự cố thường xuyên báo cáo diễn biến về Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh. Đồng thời xây dựng bổ sung phương án trọng điểm bảo vệ các sự cố trên.

<sup>(2)</sup>: Số liệu năm 2019 là: 1643 công trình, đến nay còn 1.300 công trình (giảm số hồ sau khi rà soát theo NEĐ 114)

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/10/2020, phát hiện và lập biên bản 63 trường hợp vi phạm pháp luật về đê điều, giảm 18 vụ so cùng kỳ; tổng số trường hợp vi phạm xử lý được từ 01/01/2020 đến ngày 31/10/2020 là 174 trường hợp (xử lý vi phạm mới phát sinh năm 2020 được 55/63 trường hợp và xử lý theo 1201/UBND-NN ngày 26/3/2020 của UBND tỉnh được 119/126 trường hợp).

Tổng đã xử lý vi phạm được: 174/189 trường hợp (Hiệp Hòa: 63/63; Việt Yên: 19/21; Tân Yên: 04/10; Lạng Giang: 08/09; Yên Dũng: 11/15; Lục Nam: 11/12; TP Bắc Giang: 58/59). Trong đó:

- Xử lý vi phạm phát sinh mới được 55/63 trường hợp (Hiệp Hòa: 14/14; Việt Yên: 02/04; Tân Yên: 02/04; Lạng Giang: 03/04; Yên Dũng: 04/05; Lục Nam 0/01; TP Bắc Giang: 30/31)

- Xử lý vi phạm theo kế hoạch tại văn bản số 1201/UBND-NN ngày 26/3/2020 của UBND tỉnh được 119/126 trường hợp (Hiệp Hòa: 49/49; Việt Yên: 17/17; Tân Yên: 02/06; Lạng Giang: 05/05; Yên Dũng: 07/10; Lục Nam: 11/11; TP Bắc Giang: 28/28).

## 5. Công tác phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi

- **Công tác Bảo vệ thực vật:** Toàn tỉnh có khoảng 25.389 ha cây trồng bị nhiễm sâu bệnh<sup>(3)</sup>, trong đó nhiễm nặng khoảng 3.609ha tăng 1.185 ha so với cùng kỳ năm 2019. Đã tổ chức phòng, trừ cho 35.454 ha. Các đối tượng sâu bệnh chủ yếu là: khô vằn, đạo ôn cổ bông, bệnh bạc lá, bệnh đen lép hạt, sâu cuốn lá nhỏ ... trên cây lúa; sâu xanh, sâu tơ, bọ nhảy, bệnh sương mai,... trên cây rau màu; bọ xít, sương mai, sâu đục cuống; nhện lông nhung, thán thư,... hại vải. Do làm tốt công tác dự tính, dự báo nên đã chỉ đạo phòng trừ hiệu quả, kịp thời các đối tượng sâu, bệnh bảo vệ sản xuất. Công tác kiểm dịch thực vật nội địa được tăng cường, các giống mới đều được kiểm tra xuất xứ nguồn gốc, theo dõi tình hình sinh vật gây hại, sinh vật lạ, địa điểm gieo trồng...

- **Công tác phòng chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi:** Trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh trên đàn vật nuôi, đặc biệt là dịch cúm gia cầm, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 535/KH-UBND ngày 14/02/2020 phòng chống dịch cho đàn gia súc, gia cầm; Quyết định số 734/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 v/v công bố hết dịch đối với bệnh dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang tạo điều kiện cho người chăn nuôi yên tâm tái đàn. Thường xuyên chỉ đạo các đơn vị chuyên môn tích cực tham mưu, phối hợp với các cấp chính quyền tăng cường các biện pháp phòng chống dịch, bệnh, kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, KTVSTY; chuẩn bị đầy đủ các loại hóa chất, thuốc vắc xin để phục vụ công tác phòng chống dịch động vật. Trong tháng cao điểm tiêu độc khử trùng (từ ngày 10/2-10/3/2020), 10/10 huyện, thành phố đã sử dụng 13.083 lít hóa chất, 1.032 tấn vôi bột thực hiện tiêu độc khử trùng, vệ sinh chuồng trại chăn nuôi. Đã thực hiện xong đấu thầu mua sắm các loại vắc xin, hóa chất phục vụ công tác PCD theo Kế hoạch số 535/KH-UBND ngày 14/02/2020 của UBND tỉnh về phòng, chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm

<sup>(3)</sup> : Lúa 21.055 ha, cây rau màu 1.890 ha, cây vải trên 1.686 ha, cây có múi 576ha...

năm 2020 và vắc xin đại theo kế hoạch số 1831/KH-UBND-NN ngày 02/6/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang về kế hoạch khống chế và tiến tới loại trừ bệnh Đại động vật giai đoạn 2017 – 2020<sup>(4)</sup>. Đến nay có 9/10 huyện đã triển khai tiêm phòng ( còn huyện Sơn Động chưa thực hiện tiêm vắc xin Đại). Tỉnh đã cấp phát 155.225 liều Vắc xin Đại, 38.250 liều vắc xin tai xanh, 42.300 liều vắc xin LMLM, 1.323.000 liều vắc xin Cúm, thực hiện kiểm dịch 1.038.121 con, 74,63 tấn sản phẩm động vật.

Từ ngày 20/9-20/10/2020, toàn tỉnh thực hiện tháng vệ sinh tiêu độc khử trùng môi trường đợt 2/2020 theo chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và PTNT. đã cấp phát 3.900 lít hóa chất cho 10 huyện, thành phố thực hiện phun thuốc sát trùng cho các khu vực chăn nuôi hộ gia đình, nơi công cộng, đường làng ngõ xóm, các ổ dịch cũ, chợ buôn bán động vật...Ngoài ra, thực hiện Kế hoạch số 3820/KH-UBND ngày 27/8/2020 về bảo vệ an toàn dịch bệnh đàn lợn nái phục vụ công tác tái đàn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang năm 2020, tỉnh Bắc Giang đã mua 5.000 lít hóa chất và cấp phát cho các huyện thành phố triển khai công tác tiêu độc khử trùng trong thời gian tháng từ tháng 10 đến tháng 12/2020.

Lấy mẫu xét nghiệm để phục vụ công tác phòng, chống và cảnh báo dịch bệnh. Kết quả cụ thể: giám sát cúm gia cầm lưu hành 228 mẫu, kết quả 122/228 dương tính với cúm A, lấy mẫu giám sát trên 300 mẫu DTLCP, kết quả âm tính với DTLCP, kiểm tra phát hiện kháng thể LMLM 84 mẫu, kết 79/84 mẫu có kháng thể dương tính typ O.

## **6. Công tác quản lý chất lượng Nông, lâm sản và thủy sản**

Sở Nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo Chi cục QLCLNLS&TS phối hợp các đơn vị liên quan tăng cường công tác thông tin tuyên truyền về chất lượng VSATTP nông lâm nghiệp thủy sản (sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, nông nghiệp Hữu cơ,...); kiểm tra, đánh giá phân loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh chế biến nông sản thực phẩm trên địa bàn. 10 tháng đầu năm đã kiểm tra và xác nhận kiến thức cho 116 người thuộc 24 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản. Thẩm định và cấp giấy chứng nhận ATTP cho 11 cơ sở, quan thẩm định đánh giá các cơ sở đáp ứng các điều kiện về ATTP. Thành lập 02 Đoàn kiểm tra chuyên ngành ATTP theo kế hoạch, tiến hành kiểm tra 19/19 cơ sở kinh doanh nông sản, đạt 100% kế hoạch năm; tại thời điểm kiểm tra các cơ sở chấp hành đầy đủ các nội dung kiểm tra về ATTP. Kiểm tra, đánh giá phân loại theo thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2018 đối với 26 cơ sở về sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản. Kết quả, có 25 cơ sở xếp loại B, 01 cơ sở tạm ngừng hoạt động; Tập huấn phổ biến kiến thức về ATTP cho cán bộ làm công tác ATTP 10 lớp cho 500 lượt người tham dự; Kết quả phân tích 46 mẫu nông sản trong đó có 10 vải thiều, 20 mẫu rau các loại, thịt 12 mẫu, cá 4 mẫu đều đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng về ATTP.

<sup>(4)</sup>: Vắc xin cúm gia cầm: 1.600.000 liều, LMLM: 42.000 liều, tai xanh: 25.000 liều, vắc xin đại: 122.000 liều, hóa chất tiêu độc khử trùng: 13.000 lít.



\* Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu ATTP như sau:

- Tỷ lệ diện tích thâm canh rau theo tiêu chuẩn VietGAP 10 tháng đầu năm ước đạt 35% bằng 93,8% kế hoạch, ước đạt 37,3% bằng 100% so với kế hoạch năm 2020.

- Tỷ lệ diện tích thâm canh quả theo tiêu chuẩn VietGAP 10 tháng đầu năm ước đạt 40% bằng 100% so với kế hoạch.

- Tỷ lệ diện tích thâm canh thủy sản theo VietGAP 10 tháng đầu năm ước đạt 41% bằng 100% so với kế hoạch.

- Tỷ lệ đàn lợn chăn nuôi theo VietGAHP 10 tháng đầu năm đạt 40% bằng 93% kế hoạch, ước đạt 43% bằng 100% so với kế hoạch năm 2020.

- Tỷ lệ đàn gà chăn nuôi theo VietGAHP 10 tháng đầu năm, ước đạt 44% bằng 100% so với kế hoạch.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất, chế biến kinh doanh nông lâm thủy sản được cấp giấy chứng nhận ATTP lũy kế 10 tháng đầu năm ước đạt 93% bằng 100% so với kế hoạch năm 2020.

## **7. Phát triển nông thôn**

### **7.1. Phát triển HTX, THT, trang trại nông nghiệp**

- *Về Hợp tác xã:* Công tác quản lý nhà nước đối với kinh tế hợp tác, HTX có nhiều chuyển biến tích cực. Các cơ chế, chính sách phát triển HTX đã được quan tâm thực hiện, nhiều chính sách đi vào cuộc sống và hỗ trợ tích cực cho sự phát triển của các HTX. Hình thành được nhiều HTX sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm, đặc biệt đã có mối liên kết 4 nhà là nhà nước - nhà khoa học - nhà doanh nghiệp và HTX. Tính đến tháng 10/2020, toàn tỉnh có 522 HTX nông nghiệp, tăng 53 HTX so với năm 2019 (trong đó tăng: 33 HTX trồng trọt; 07 HTX chăn nuôi; 10 HTX tổng hợp và 03 HTX thủy sản), đã có 03 HTX tiến hành giải thể tự nguyện. Tổng số thành viên của HTX đang hoạt động khoảng 11.370 thành viên (bình quân 22 thành viên/HTX). Có 04 liên hiệp HTX (liên hiệp HTX dùng nước kênh Y2 ở huyện Lạng Giang và liên hiệp HTX Cự chiến binh Sông Cầu ở huyện Hiệp Hòa, liên hiệp HTX Hà Bắc; Liên hiệp HTX nông nghiệp hữu cơ Hiệp Hòa). Tổng vốn đầu tư của các HTX nông nghiệp trên địa bàn đạt 714.840 triệu đồng (trung bình đạt khoảng 1.369 triệu đồng/HTX).

- *Về Tổ hợp tác:* Hiện toàn tỉnh có 841 THT (bằng so với CK năm 2019), trong đó có 39 tổ được cấp xã chứng thực hợp đồng hợp tác. Trong số 39 tổ được cấp xã chứng thực hợp đồng hợp tác có: 02 tổ chăn nuôi thủy sản, 03 tổ rau an toàn, 01 tổ nhãn an toàn, 02 tổ sản xuất chè, 01 tổ hợp tác nuôi ong, còn lại 30 tổ hợp tác dùng nước. Tổng số thành viên THT khoảng trên 500 người.

- *Về Trang trại:* Hiện nay toàn tỉnh có 452 trang trại đang hoạt động (giảm 379 trang trại so với năm 2019 do số lượng trang trại mới tính theo quy định tiêu chí trang trại mới tại TT số 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2020), trong đó có 305 trang trại chăn nuôi; 85 trang trại tổng hợp; 49 trang trại trồng

trọt; 10 trang trại thủy sản; 3 trang trại lâm nghiệp.

**7.2. Chương trình OCOP:** Sở đã tham mưu UBND tỉnh thành lập Hội đồng và Tổ giúp việc Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm cấp tỉnh năm 2020; Kế hoạch số 2077/KH-UBND ngày 18/5/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về Tổ chức đánh giá và phân hạng sản phẩm OCOP tỉnh Bắc Giang năm 2020; ban hành công văn đăng ký sản phẩm tham gia chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) năm 2020; chỉ đạo Chi cục Phát triển nông thôn tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ làm công tác quản lý các cấp; chủ thể có sản phẩm tham gia Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Tính đến hết tháng 10/2020 tỉnh Bắc Giang có 46 sản phẩm được đánh giá, xếp hạng đạt sao OCOP (15 sản phẩm 4 sao; 31 sản phẩm 3 sao).

### **7.3. Công tác bố trí dân cư**

- *Bố trí dân cư tập trung:* Tiếp tục triển khai Dự án Sắp xếp và ổn định dân cư vùng sạt lở xã Thắng Cương, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (Giai đoạn 2);

Dự án đầu tư hỗ trợ đời sống, sản xuất cho hộ TĐC và cộng đồng dân sở tại của một số xã có tiếp nhận dân tái định cư thuộc dự án di dân tái định cư trường bắn Quốc gia khu vực I; Xây dựng báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án Sắp xếp và ổn định dân cư vùng thiên tai xã Vân Hà, huyện Việt Yên với giá trị khối lượng hoàn thành 15.000 triệu đồng, lũy kế giá trị khối lượng hoàn thành 133.000 triệu đồng.

- *Bố trí dân cư theo hình thức xen ghép:* Triển khai việc rà soát, thẩm định các hộ dân đủ điều kiện hỗ trợ theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ cho 29 hộ dân sinh sống tại vùng có nguy cơ thiên tai, sạt lở đất trên địa bàn tỉnh đến nơi ở mới (ở các xã Tân Lập, Tân Quang, Phi Điền, Mỹ An thuộc huyện Lục Ngạn), chi trả kinh phí hỗ trợ di chuyển cho các hộ dân đủ điều kiện hỗ trợ theo quyết định phê duyệt của UBND huyện Lục Ngạn, tổ thi công các công trình hỗ trợ cộng đồng nơi nhận dân xen ghép với nguồn kinh phí giao năm 2020 là 2.000 triệu đồng.

**7.4. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn:** Sở Nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo Chi cục Phát triển nông thôn ký hợp đồng đào tạo với các đơn vị được giao chỉ tiêu đào tạo và tổ chức hội nghị triển khai, hướng dẫn các cơ sở dạy nghề triển khai thực hiện. Tính đến hết tháng 10, đã tuyển sinh và thực hiện đào tạo 1.320/1.320 học viên với chỉ tiêu (44/44 lớp) trên địa bàn các huyện: Yên Thế, Lục Ngạn, Hiệp Hòa, Lạng Giang, Tân Yên, Lục Nam, Việt Yên, Yên Dũng.

## **8. Xây dựng nông thôn mới**

Trên cơ sở Kế hoạch của Ban chỉ đạo, Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh đã phối hợp các Sở ngành liên quan tích cực kiểm tra, đôn đốc cùng các địa phương tháo gỡ khó khăn trong tổ chức thực hiện.

Trên cơ sở Kế hoạch của Ban chỉ đạo, Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh đã phối hợp các Sở ngành liên quan tích cực kiểm tra, đôn đốc cùng các địa phương tháo gỡ khó khăn trong tổ chức thực hiện.

Đến nay có 17 xã về đích nông thôn mới, đạt 73,9% so với KH; số tiêu chí bình quân các xã tăng thêm 0,3 tiêu chí /xã so với năm 2019, lũy kế bình quân các xã đạt 16,1 tiêu chí/xã; tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 64,1%. Huyện Tân Yên đạt chuẩn nông thôn mới, lũy kế có 03 huyện đạt chuẩn nông thôn mới. Ước đến hết năm 2020, toàn tỉnh có 124/184 xã đạt chuẩn nông thôn mới, tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới (tính lũy kế) đạt 67,4%; số tiêu chí nông thôn mới bình quân đạt được/ xã là 16,2%.

**9. Tình hình thực hiện Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 17/01/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ và các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2020**

Các nhiệm vụ được giao chủ trì chuẩn bị nội dung trình Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đảm bảo chất lượng và đúng thời gian quy định. Sở đã chỉ đạo các đơn vị, địa phương đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 401-NQ/TU ngày 03/4/2019, tập trung tái cơ cấu ngành, gắn xây dựng nông thôn mới trong đó tập trung ứng dụng khoa học công nghệ, nhất là công nghệ cao vào sản xuất để nâng cao giá trị gia tăng; chỉ đạo các đơn vị chuyên môn, phối hợp các địa phương quản lý chặt chẽ vật tư nông nghiệp, kiểm dịch thú y, kiểm dịch thực vật theo quy định, đảm bảo quyền lợi cho người sản xuất; thực hiện nghiêm việc cắt giảm tối đa các khoản chi, tổ chức hội nghị, hội thảo,... Tổ chức thực hiện tốt công tác tiếp nhận đơn thư, giải quyết khiếu nại tố cáo và phòng chống tham nhũng theo quy định.

**10. Đánh giá xếp loại UBND các huyện, thành phố**

- Xếp loại tốt: 10 huyện, thành phố.

**III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

**1. Kết quả đạt được**

Mặc dù trong 10 tháng đầu năm 2020, sản xuất nông nghiệp của tỉnh phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, tuy nhiên được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, của Bộ NN&PTNT, Ngành nông nghiệp và PTNT đã phối hợp chặt chẽ với các Sở, ban, ngành, địa phương, bà con nông dân, doanh nghiệp nên sản xuất nông nghiệp vẫn giữ được đà tăng trưởng; một số cây, con chủ lực hàng hóa, sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, các tiêu chuẩn của thị trường đều tăng (giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 0,35% so với cùng kỳ; sản lượng lúa chất lượng tăng 10,9%; vải thiều tăng 6,4%, vải VietGAP tăng 39,2%, vải sớm tăng 16%, vải GlobalGAP tăng 22,3%; rau an toàn tăng 36,3% so với cùng kỳ, sản lượng gỗ khai thác tăng 4,9%, sản lượng thịt lợn hơi tăng 1%, ...); hình thức tổ chức sản xuất quy mô lớn, hợp tác liên kết

theo chuỗi giá trị, sản xuất nông nghiệp UDCNC tiếp tục được nhân rộng (có 163 mô hình cánh đồng mẫu lớn với diện tích 5.159 ha; 246 mô hình nông nghiệp UDCNC có sự liên kết sản xuất,...); công tác quản lý, giám sát phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi được tăng cường, nhất là phòng chống dịch tả lợn Châu phi; công tác phát triển rừng và bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng được tăng cường, số vụ vi phạm pháp luật về BV&PT rừng giảm mạnh; công tác tưới tiêu phục vụ sản xuất đảm bảo kịp thời; các nội dung trình Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đảm bảo tiến độ, chất lượng; phong trào xây dựng nông thôn mới được tập trung quan tâm chỉ đạo, dự kiến 10 tháng đầu năm có thêm 17 xã về đích XDNTM, dự kiến huyện Tân Yên đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới.

Bên cạnh kết quả đạt được, sản xuất nông nghiệp 10 tháng đầu năm gặp nhiều khó khăn, thách thức do biến đổi khí hậu, do dịch bệnh đã làm diện tích, sản lượng một số cây trồng, vật nuôi chủ lực của tỉnh giảm so cùng kỳ (*diện tích lúa giảm 1,6%, diện tích lạc giảm 4%; sản lượng lương thực giảm 1,4%; sản lượng thủy sản giảm 6%*), làm ảnh hưởng đến tăng trưởng của ngành. Tiêu thụ sản phẩm nông sản chủ lực gặp khó khăn trong 10 tháng đầu năm do dịch COVID-19 diễn biến phức tạp; Việc tái đàn lợn còn gặp nhiều khó khăn do giá lợn giống cao, nhiều cơ sở chưa đủ điều kiện đảm bảo chăn nuôi an toàn sinh học, dịch tả lợn Châu Phi tiềm ẩn nguy cơ tái phát; hợp tác, liên kết sản xuất theo chuỗi bước đầu hình thành ở một số lĩnh vực nhưng chưa bền vững, khả năng nhân rộng chậm; công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, vệ sinh an toàn thực phẩm tuy đã tạo được sự chuyển biến, nhưng tình trạng vi phạm trong kinh doanh vật tư nông nghiệp, thuốc BVTV, TY vẫn xảy ra; các vụ vi phạm Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, vi phạm Luật đê điều trên địa bàn tỉnh giảm so cùng kỳ, song vẫn đang diễn ra ở một số địa phương; tiến độ triển khai XDNTM ở một số xã còn chậm so với kế hoạch.

## **2. Nguyên nhân**

### **2.1. Nguyên nhân khách quan**

- Sản xuất nông nghiệp chịu ảnh hưởng trực tiếp của biến đổi khí hậu, rủi ro cao, hiệu quả và lợi nhuận thấp so với các ngành khác. Thị trường tiêu thụ chưa ổn định, giá một số nông sản bấp bênh.
- Diện tích đất đai manh mún, địa hình đồng bằng xen kẽ trung du, đồi núi, khó hình thành được nhiều vùng sản xuất tập trung quy mô lớn.
- Diện tích đất nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp, do chuyển sang xây dựng khu công nghiệp, dịch vụ, hạ tầng giao thông,...
- Dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi diễn biến phức tạp.

### **2.2. Nguyên nhân chủ quan**

- Một số chính quyền cấp cơ sở chưa thực sự quan tâm đến phát triển sản xuất nông nghiệp; một bộ phận nông dân còn tư tưởng ỷ nại, trông chờ vào hỗ trợ của nhà nước.

- Ý thức của một số người dân trong việc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh cho vật nuôi chưa cao, còn chủ quan khi chưa có dịch; các hộ kinh doanh, buôn bán, giết mổ gia súc, gia cầm chưa chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật.

- Hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, môi trường cạnh tranh gay gắt, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp còn hạn chế.

- Một số cơ chế chính sách chưa được phát huy đầy đủ do thiếu nguồn lực hoặc chưa phù hợp với tình hình thực tiễn, việc thu hút đầu tư của các thành phần kinh tế còn khó khăn.

## **Phần thứ hai**

### **KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2021**

#### **I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH**

##### **1. Thuận lợi**

- Xu thế toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế, tự do hóa thương mại, các cơ chế hợp tác song phương và đa phương vẫn diễn ra mạnh mẽ, điều đó cũng tạo ra cơ hội và thách thức đối với thị trường tiêu thụ nông sản của Việt Nam; tạo cơ hội để tiếp cận các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ quản lý của các nước tiên tiến.

- Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ nhất là cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; khoa học công nghệ về gen, kiểm soát sâu bệnh và dịch bệnh, sử dụng phụ phẩm và chất thải nông nghiệp, công nghệ bảo quản, chế biến, công nghệ thông tin trong quản lý,... tiếp tục là động lực quan trọng cho sự phát triển nông nghiệp trong thời gian tới.

##### **2. Khó khăn và thách thức**

- Biến đổi khí hậu ngày càng cực đoan, khó lường, thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp gây ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và đời sống nông dân.

- Hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng, thị trường hàng nông sản cạnh tranh ngày càng khốc liệt, đặc biệt yêu cầu về chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm đòi hỏi ngày càng cao.

- Quá trình công nghiệp hóa, phát triển đô thị đang diễn ra theo chiều rộng, tất yếu dẫn đến việc giảm một phần khá lớn diện tích đất và tài nguyên nước của sản xuất nông nghiệp, lực lượng lao động trẻ từ khu vực sản xuất nông nghiệp sang công nghiệp, xây dựng, dịch vụ.

- Ô nhiễm môi trường và các mối nguy hại về ô nhiễm môi trường, tài nguyên (đất, nước) ngày càng lớn và phức tạp hơn.

#### **II. MỤC TIÊU**

##### **1. Mục tiêu chung**

Phát triển nông nghiệp Bắc Giang theo hướng hiện đại, bền vững trên cơ sở phát huy các lợi thế so sánh địa phương, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, thích ứng với cơ chế thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và hội nhập quốc

tế. Hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn, các nông sản có năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng và hướng tới xuất khẩu; Nâng cao thu nhập và cải thiện mức sống cho người dân nông thôn, góp phần xóa đói giảm nghèo và bảo vệ môi trường sinh thái.

## **2. Một số mục tiêu cụ thể:**

- Tốc độ tăng trưởng GRDP ngành nông nghiệp dự kiến 1,3%/năm.
- Giá trị sản xuất bình quân trên 1 ha đất sản xuất nông nghiệp đến năm 2025 đạt 114 triệu đồng/ha/năm.
- Tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2025 là 37,5%.
- Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đến 2025 đạt 100%.
- Năm 2021 có thêm khoảng 14 xã đạt chuẩn nông thôn mới, lũy kế tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 138 xã (chiếm 75% tổng số xã); có thêm huyện Yên Dũng đạt chuẩn nông thôn mới (lũy kế có 04 huyện: Việt Yên, Lạng Giang, Tân Yên, Yên Dũng); Bình quân mỗi xã tăng thêm tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới/ xã là 0,5 tiêu chí/ xã, lũy kế là 16,7 tiêu chí/xã.

*(Chi tiết tại Phụ lục I, II kèm theo)*

## **III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

1. Tập trung cao hoàn thiện các nhiệm vụ, nội dung tham mưu cho Tỉnh ủy, HĐND và UBND, đồng thời tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 401- NQ/TU ngày 03 tháng 4 năm 2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 30/5/2019 của UBND tỉnh về thực hiện về Chiến lược phát triển nông nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035. Triển khai các các cơ chế chính sách phục vụ tái cơ cấu ngành, gắn với xây dựng nông thôn mới, trong đó chú trọng các cơ chế, chính sách phát triển các sản phẩm chủ lực, đặc sản theo quy trình sản xuất tiên tiến (VietGap, GlobalGap, hữu cơ,...), sản xuất theo chuỗi giá trị và các chính sách phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

2. Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn, tổ chức sản xuất theo chuỗi đối với các sản phẩm chủ lực của tỉnh; đồng thời, khuyến khích phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ.

- Mở rộng diện tích sản xuất rau an toàn; diện tích sản xuất vải theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, phát triển nông nghiệp công nghệ cao. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và dự báo, phòng trừ hiệu quả sâu bệnh. Kiểm soát chặt chẽ sản xuất, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật.

- Phát triển chăn nuôi lợn, gà theo hình thức trang trại, gia trại tập trung, an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học, chăn nuôi hữu cơ; tập trung khôi phục đàn lợn đảm bảo cung cấp cho nhu cầu tiêu dùng trong tỉnh và các địa phương khác. Điều chỉnh cơ cấu, quy mô đàn gia súc, gia cầm phù hợp với nhu cầu thị trường và diễn biến bệnh DTLCP. Tăng cường giám sát và kiểm soát dịch bệnh hiệu quả,

quy định chặt chẽ việc quản lý và sử dụng thuốc thú y.

- Mở rộng diện tích vùng nuôi chuyên canh, thâm canh thông qua việc đẩy chuyển giao khoa học kỹ thuật, áp dụng quy trình sản xuất an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP. Tổ chức thực hiện có hiệu quả đề án phát triển vùng nuôi thủy sản đạt tiêu chuẩn VietGAP đã được phê duyệt.

- Tăng cường quán triệt và thực hiện nghiêm Chi thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; Nghị quyết số 249-NQ/TU ngày 01/11/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý và bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh. Thực hiện nghiêm chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên; bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và sử dụng bền vững, hiệu quả diện tích rừng hiện có; nâng cao năng suất, chất lượng rừng; tiếp tục khuyến khích, hỗ trợ trồng rừng gỗ lớn, trồng rừng có chứng chỉ FSC. Phát triển mô hình nông lâm kết hợp; tiếp tục hoàn thiện và thực thi hiệu quả chính sách về chi trả dịch vụ môi trường rừng.

3. Tiếp tục đổi mới tổ chức sản xuất theo hướng hợp tác, liên kết chặt chẽ theo chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ giữa nông dân, hợp tác xã, tổ hợp tác, liên hiệp hợp tác xã với doanh nghiệp. Thực hiện có hiệu quả cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển các Hợp tác xã trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, nhất là các hợp tác xã nông nghiệp hoạt động theo chuỗi giá trị. Nghiên cứu xây dựng liên kết giữa các xã, huyện có điều kiện tương đồng trong sản xuất về giống, công nghệ, đào tạo nhân lực, phát triển hiệp hội ngành hàng,... để hình thành các sản phẩm có cùng lợi thế so sánh, tạo ra khối lượng sản phẩm lớn, đồng nhất về chất lượng, tăng tính cạnh tranh.

4. Theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, sâu bệnh hại trên các loại cây trồng, nhất là lúa mùa, để tiến hành phòng trừ kịp thời; chủ động các phương án tưới, tiêu đối với các diện tích có nguy cơ ngập lụt để bảo vệ sản xuất. Tập trung chỉ đạo thu hoạch nhanh gọn cây trồng vụ Chiêm Xuân; triển khai sản xuất theo đúng khung thời vụ, trong đó lưu ý thời vụ, cơ cấu cây trồng để phát triển cây vụ Đông.

5. Tiếp tục theo dõi, giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh động vật, phát hiện và khống chế dịch bệnh tại cơ sở, không để xảy ra dịch bệnh nguy hiểm; hướng dẫn người chăn nuôi áp dụng các tiến bộ kỹ thuật về giống, thức ăn, kỹ thuật chăm sóc nhằm hạ giá thành sản phẩm. Tăng cường công tác kiểm tra dịch bệnh, công tác quản lý giống vật nuôi, tiêm phòng vacxin. Chỉ đạo tổ chức tái đàn lợn tại các cơ sở, đảm bảo chăn nuôi an toàn sinh học.

6. Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, bình tuyển đàn cá bố mẹ; quản lý chặt chẽ các cơ sở sản xuất giống thủy sản, từng bước kiểm soát được chất lượng con giống phục vụ sản xuất. Tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh, chống tràn trong mùa mưa bão; hướng dẫn các hộ nuôi trồng thủy sản đẩy mạnh áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quy trình sản xuất an toàn theo VietGAP để nâng cao năng suất, chất lượng và an toàn dịch bệnh. Triển khai có hiệu quả Đề án phát triển vùng nuôi thủy sản tập trung đạt tiêu chuẩn VietGAP.

7. Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 31/01/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang về thực hiện Nghị quyết số 249-NQ/TU ngày 01/11/2017 của Ban thường vụ tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; thực hiện tốt việc quản lý, sản xuất kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp trên địa bàn; tăng cường chỉ đạo công tác phòng cháy, chữa cháy rừng, thông tin cảnh báo cháy rừng; kiểm tra, kiểm soát, kịp thời ngăn chặn tình trạng chặt phá rừng, đốt rừng. Xử lý nghiêm các vụ vi phạm về vận chuyển, kinh doanh, chế biến lâm sản, gây nuôi động vật hoang dã trên địa bàn quản lý.

8. Kiểm tra, đôn đốc chỉ đạo công tác tưới và quản lý nguồn nước đảm bảo phục vụ sản xuất. Chỉ đạo triển khai tu bổ đê điều, kè, công đảm bảo kế hoạch. Thường xuyên phối hợp với các địa phương tăng cường công tác kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về đê điều; phòng, chống thiên tai. Phối hợp với chính quyền địa phương xử lý dứt điểm các trường hợp vi phạm mới phát sinh và các vi phạm tái diễn (*đặc biệt là các bến bãi vật liệu*) theo chỉ đạo tại công văn số 1136/UBND ngày 24/3/2020 và công văn số 1201/UBND-NN ngày 26/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh; duy trì nghiêm túc công tác trực ban phòng chống, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

9. Đẩy nhanh thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả vay vốn WB, Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) và chương trình đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn năm 2020 đảm bảo đúng kế hoạch, tiến độ.

10. Đẩy nhanh tiến độ giải ngân các dự án XDCB, đảm bảo giải ngân nguồn vốn đúng hạn đạt 100%. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn và dự toán NSNN ngành năm 2021 theo đúng định hướng và quy định.

Trên đây là kết quả rà soát Kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bắc Giang./.

**Nơi nhận:**

- Sở Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở;
- phong\_thqh\_skhd@bacgiang.gov.vn;
- Lưu: VT, KHTC.

**GIÁM ĐỐC**

**Dương Thanh Tùng**